

Số: 48/SYT-NVY

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 01 năm 2022

V/v cập nhật đối tượng quản lý, điều trị
người nhiễm COVID-19 tại nhà

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Trung tâm Y tế huyện thị xã thành phố Huế.

Căn cứ Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01/12/2021 của Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-CoV-2 và định hướng xử trí, cách ly, điều trị; Quyết định số 194/QĐ-BCĐ ngày 06/12/2021 của BCĐ phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành Hướng dẫn gói chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người nhiễm COVID-19 (F0) không triệu chứng trên địa bàn tỉnh và Công văn số 6362/SYT-NVY ngày 28/12/2021 của Sở Y tế về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn gói chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người nhiễm COVID-19.

Để thực hiện việc "Phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-CoV-2 và định hướng xử trí, cách ly, điều trị" được tổ chức ngay từ Tổ Y tế lưu động, Trạm y tế cho đến các cơ sở thu dung, điều trị. Sở Y tế cập nhật đối tượng quản lý, điều trị F0 tại nhà như sau:

1. Đối tượng quản lý tại nhà

a) Là người nhiễm COVID-19 (được khẳng định dương tính bằng xét nghiệm RT-PCR hoặc test nhanh kháng nguyên) không có triệu chứng lâm sàng hoặc có triệu chứng lâm sàng ở mức độ nhẹ: Sốt, ho khan, đau họng, nghẹt mũi, mệt mỏi, đau đầu, đau mỏi cơ, tê lưỡi...

b) Không có dấu hiệu của viêm phổi hoặc thiếu ô xy, nhịp thở ≤ 20 lần/phút đối với người lớn, $SpO_2 \geq 97\%$ khi thở khí trời; không có thở bất thường như: thở rên, rút lõm lồng ngực, phập phồng cánh mũi, thở khò khè, thở rít ở thì hít vào.

c) Tuổi: Trẻ em từ 3 tháng tuổi đến người ≤ 64 tuổi và không có bệnh lý nền, không có dấu hiệu bất thường, đã tiêm đủ liều vắc xin COVID-19, không mang thai. (Danh mục bệnh lý nền quy định tại phụ lục kèm theo).

Tùy thực tế của từng trường hợp Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 xã, phường, thị trấn xem xét, quyết định phù hợp với mức độ bệnh và các đặc điểm sức khỏe khác của người nhiễm COVID-19.

2. Đối với điều kiện phòng cách ly

Người nhiễm COVID-19 có phòng cách ly riêng và tách biệt với khu sinh hoạt chung của gia đình, có nhà vệ sinh, nhà tắm dùng riêng. Khuyến cáo những người nhà F0 dành vùng không gian riêng cho người F0; phân công một người phù hợp nhất chăm sóc người nhiễm (nếu cần); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 cấp xã thực hiện rà soát, thống kê hộ gia đình đáp ứng được các điều

kiện có thể cách ly, điều trị F0 tại nhà.

3. Thực hiện quy trình cách ly, chăm sóc và điều trị F0 tại nhà

Bước 1: Lập danh sách người nhiễm COVID-19 (Trạm Y tế địa phương thực hiện)

Bước 2: Chuyển danh sách, thông tin F0 cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 xã, phường, thị trấn; Tổ y tế lưu động để tổ chức thăm định điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng và quản lý, theo dõi, chăm sóc, đánh giá tình trạng bệnh tật đối với người cách ly y tế tại nhà.

Bước 3: Lập hồ sơ chăm sóc, theo dõi, điều trị F0, kết nối thông tin và cung cấp các gói thuốc cơ bản tại nhà (Tổ Y tế lưu động và Trạm y tế xã thực hiện);

Bước 4: Theo dõi, giám sát cách ly, điều trị tại nhà hàng ngày. Lấy mẫu xét nghiệm cho F0 vào ngày thứ 10 (Tổ Y tế lưu động và Trạm Y tế xã thực hiện).

Nếu kết quả âm tính: kết thúc cách ly và tự theo dõi sức khỏe;

Nếu dương tính: tiếp tục cách ly và xét nghiệm vào ngày thứ 3 cho đến khi âm tính.

Bước 5: kết thúc cách ly, điều trị tại nhà. Ban chỉ đạo xã, phường, thị trấn xác nhận hoàn thành cách ly, điều trị tại nhà cho F0.

Đối tượng quản lý tại nhà được quy định tại Công văn này thay thế đối tượng quản lý tại nhà theo Công văn số 6362/SYT-NVY ngày 28/12/2021 của Sở Y tế về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn gói chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người nhiễm COVID-19.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin phản ánh về Sở Y tế để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- BV Bộ, Ngành;
- BV đa khoa, CK thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Trần Kiên Hảo

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC BỆNH LÝ NỀN
(CÓ NGUY CƠ GIA TĂNG MỨC ĐỘ NẶNG KHI MẮC COVID-19)**

1. Đái tháo đường
2. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và các bệnh phổi khác
3. Ung thư (đặc biệt là các khối u ác tính về huyết học, ung thư phổi và bệnh ung thư di căn khác).
4. Bệnh thận mạn tính
5. Ghép tạng hoặc cấy ghép tế bào gốc tạo máu
6. Béo phì, thừa cân
7. Bệnh tim mạch (suy tim, bệnh động mạch vành hoặc bệnh cơ tim)
8. Bệnh lý mạch máu não
9. Hội chứng Down
10. HIV/AIDS
11. Bệnh lý thần kinh (bao gồm cả chứng sa sút trí tuệ)
12. Bệnh hồng cầu hình liềm, bệnh thalassemia, bệnh huyết học mạn tính khác
13. Hen phế quản
14. Tăng huyết áp
15. Thiếu hụt miễn dịch
16. Bệnh gan
17. Rối loạn do sử dụng chất gây nghiện
18. Đang điều trị bằng thuốc corticosteroid hoặc các thuốc ức chế miễn dịch khác.
19. Các bệnh hệ thống.
20. Bệnh lý khác đối với trẻ em: Tăng áp phổi nguyên hoặc thứ phát, bệnh tim bẩm sinh, rối loạn chuyển hóa di truyền bẩm sinh, rối loạn nội tiết bẩm sinh-mắc phải.